

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG
THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-37



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/07/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Hiệp	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Trường	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Cương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Như Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Bùi Thị Lê	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28/04/2016
Ông Tăng Thành Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2016
Bà Đoàn Thị Minh Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Phong Thắng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 28/04/2016
Bà Trịnh Thị Vinh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 28/04/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lâm

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được lập ngày 06 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2016, Tổng công ty đã thực hiện đối chiếu và gửi thư xác nhận công nợ phải thu, công nợ phải trả cho khách hàng và nhà cung cấp, tuy nhiên đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận của khách hàng và nhà cung cấp. Giá trị các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu tương ứng là 19 tỷ đồng và 5,2 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi không thể đánh giá, xác định được mức độ ảnh hưởng của các vấn đề này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại 31/12/2016, một số khoản phải thu quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền là 11,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Tổng Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán. Vấn đề này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi - HEC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ các vấn đề nêu trên.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2013-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		148.292.780.883	160.843.472.969
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	34.199.498.246	44.664.684.885
111	1. Tiền		34.199.498.246	40.464.684.885
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		97.190.038.658	88.280.221.430
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	63.079.212.281	49.435.040.005
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.888.690.520	13.311.213.856
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	26.222.135.857	25.533.967.569
140	IV. Hàng tồn kho	8	16.843.855.775	27.809.562.803
141	1. Hàng tồn kho		16.843.855.775	27.809.562.803
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		59.388.204	89.003.851
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		29.236.127	28.491.651
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	30.152.077	60.512.200
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		31.137.440.652	30.108.138.444
220	II. Tài sản cố định		22.023.681.531	21.052.245.710
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	21.799.773.036	20.650.179.715
222	- Nguyên giá		43.619.993.070	40.850.035.508
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.820.220.034)	(20.199.855.793)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	223.908.495	402.065.995
228	- Nguyên giá		1.094.660.000	1.094.660.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(870.751.505)	(692.594.005)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	7.257.784.306	7.257.784.306
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.186.000.000	4.186.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.050.000.000	2.050.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.021.784.306	1.021.784.306
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.855.974.815	1.798.108.428
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.041.933.536	858.067.149
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		814.041.279	940.041.279
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		179.430.221.535	190.951.611.413



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		116.664.870.669	130.033.468.256
310	I. Nợ ngắn hạn		114.009.653.013	127.377.921.876
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	10.175.796.401	11.517.577.847
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	17.693.373.826	26.597.815.463
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.527.425.488	7.406.635.554
314	4. Phải trả người lao động		26.910.244.402	23.091.143.902
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.425.953.698	11.202.604.257
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	25.058.350.237	25.151.117.128
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	21.490.245.066	19.212.023.160
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.728.263.895	3.199.004.565
330	II. Nợ dài hạn		2.655.217.656	2.655.546.380
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	2.655.217.656	2.655.546.380
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		62.765.350.866	60.918.143.157
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	62.765.350.866	60.918.143.157
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.000.000.000	44.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		12.077.056.171	11.539.157.171
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.688.294.695	5.378.985.986
421b	LNST chưa phân phối năm nay		6.688.294.695	5.378.985.986
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		179.430.221.535	190.951.611.413

11105
CÔNG TY
KIỂM SÁT
AAS
KIỂM

Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	142.925.709.865	131.591.905.549
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	74.782.000	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		142.850.927.865	131.591.905.549
11	4. Giá vốn hàng bán	23	120.191.393.115	110.067.751.101
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.659.534.750	21.524.154.448
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.288.038.596	714.030.217
22	7. Chi phí tài chính	25	1.949.406.284	1.971.085.819
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.946.605.463	1.964.407.377
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15.559.552.924	13.946.869.183
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.438.614.138	6.320.229.663
31	11. Thu nhập khác	27	2.353.553.910	2.517.564.056
32	12. Chi phí khác	28	452.731.743	1.699.028.591
40	13. Lợi nhuận khác		1.900.822.167	818.535.465
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.339.436.305	7.138.765.128
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.651.141.610	1.759.779.142
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.688.294.695	5.378.985.986



Phạm Vũ Toàn

Phan Kim Yến



Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.339.436.305	7.138.765.128
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.098.782.361	2.380.936.892
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.380.129.505)	(734.030.217)
06	- Chi phí lãi vay		1.946.605.463	1.964.407.377
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.004.694.624	10.750.079.180
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.981.285.768)	23.715.553.631
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		11.091.707.028	6.168.791.565
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(14.193.635.970)	(10.009.178.267)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(183.866.387)	11.674.901
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.955.406.151)	(1.867.865.958)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.576.797.800)	(1.436.241.712)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		223.030.916	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(513.058.083)	(1.564.530.768)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.084.617.591)	25.768.282.572
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.070.218.182)	(369.478.182)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	20.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.288.038.596	714.030.217
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.782.179.586)	364.552.035
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		17.959.555.906	19.212.318.941
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(15.681.334.000)	(17.722.755.962)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.914.604.340)	(3.822.721.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.636.382.434)	(2.333.158.021)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(10.503.179.611)	23.799.676.586
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		44.664.684.885	20.865.008.299
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		37.992.972	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>34.199.498.246</u>	<u>44.664.684.885</u>

Phạm Vũ Toàn

Phan Kim Yến



Phạm Vũ Toàn
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/07/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Kinh doanh khách sạn, cho thuê bất động sản, văn phòng;
- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;



Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;
- Thiết kế bao gồm: Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế hệ thống điện công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng;
- Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;
- Lập dự án đầu tư quy hoạch xây dựng thủy lợi, thủy điện, lập tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Ngành môi trường nước - cấp thoát nước: Thiết kế cấp thoát nước và xử lý chất thải công trình xây dựng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Tư vấn 11 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 11)	Tầng 6, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Công ty Tư vấn 12 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 12)	Tầng 4, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Công ty Tư vấn 13 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 13)	Tầng 5, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 14)	Số 95/8/116, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Công ty Khảo sát và Xây dựng số 15 - (HEC 15)	Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Chi nhánh Tổng Công ty tại Tỉnh Nghệ An (HEC 16)	Số 100, Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Công ty In Thủy lợi - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	Số 107, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ In
Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 61/33 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Văn phòng đại diện Tổng Công ty TVXD TL Việt nam -CTCP tại Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Số 52, Đường Đồng Đa, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Văn phòng đại diện Tổng Công ty tại Lào	Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng thủy lợi 3 (HEC 3)	Số 30 Đường Trịnh Phong, Phường Phước Tiến, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế, đầu tư Xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Số 44, Đường Võ Thị Sáu, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Tư vấn, khảo sát, thiết kế, đầu tư Xây dựng

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Phường Trung Sơn, Thị xã Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình	Đầu tư và Xây dựng
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Hà Nội	Tư vấn, khảo sát xây dựng

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí điện, nước, vận chuyển... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản tiền nhận trước liên quan đến dịch vụ cung cấp.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6.692.329.836	3.361.367.264
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.507.168.410	37.103.317.621
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
	<u><u>34.199.498.246</u></u>	<u><u>44.664.684.885</u></u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	4.186.000.000	-	4.186.000.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi 3	1.679.000.000	-	1.679.000.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	2.507.000.000	-	2.507.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	2.050.000.000	-	2.050.000.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.050.000.000	-	1.050.000.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-
	7.257.784.306	-	7.257.784.306	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi 3	Khánh Hòa	58,80%	58,80%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Quảng Ngãi	50,65%	50,65%	Tư vấn, thiết kế xây dựng

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Ninh Bình	30,00%	30,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Hà Nội	40,00%	40,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 35.

Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty có khoản đầu tư khác vào Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 18%, được thành lập tại Hà nội, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Tư vấn, khảo sát xây dựng.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Sở Nông nghiệp Cao Bằng	1.184.678.000	4.918.648.000
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	2.989.913.000	2.656.520.000
- Dự án Phan Rí, Phan Thiết	-	1.145.999.206
- Ban QLDA Sông Tích	2.886.550.000	2.886.550.000
- Công ty TNHH MTV XDCT 507 tại Quảng Ninh	4.132.931.000	4.132.931.000
- Ban QL dự án ĐT và XD Thủy lợi 4	6.452.200.000	22.605.000
- BQL DA NN&PTNT Phú Thọ	2.400.457.000	1.396.515.000
- Ban QLDA CSHT bền vững Hòa Bình	2.018.779.000	-
- Ban QL dự án ĐT và XD Thủy lợi 2	2.309.811.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	38.703.893.281	32.275.271.799
	63.079.212.281	49.435.040.005

1110
CÔNG
H NHIỆM
NG KẾ
AA
DANK

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi số 3	1.251.830.000	-	64.310.000	-
Công ty cổ phần tư vấn và Xây dựng số 2	2.942.797.000	-	5.694.504.000	-
Công ty cổ phần Tư vấn khảo sát và Xây dựng số 4	870.466.042	-	3.293.442.000	-
Trả trước cho người bán khác	2.823.597.478	-	4.258.957.856	-
	7.888.690.520	-	13.311.213.856	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu người lao động thuế TNCN	207.341.460	-	91.264.199	-
Phải thu chế độ từ bảo hiểm xã hội	200.119.040	-	290.827.108	-
Tạm ứng	20.047.718.204	-	20.515.342.224	-
Ký cược, ký quỹ	290.650.000	-	290.650.000	-
Phải thu người lao động	737.582.524	-	1.358.516.638	-
Phải thu chi phí in ấn	-	-	912.165.073	-
Phải thu Công ty cơ khí	1.805.235.869	-	1.805.235.869	-
Phải thu khác	2.933.488.760	-	269.966.458	-
	26.222.135.857	-	25.533.967.569	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.057.488.022	-	1.344.448.195	-
Công cụ, dụng cụ	362.005.159	-	349.711.011	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.424.362.594	-	26.115.403.597	-
	16.843.855.775	-	27.809.562.803	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	20.298.835.155	9.267.762.116	10.221.952.963	843.862.060	217.623.214	40.850.035.508
- Mua trong năm	-	615.380.000	2.454.838.182	-	-	3.070.218.182
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(300.260.620)	-	-	(300.260.620)
Số dư cuối năm	20.298.835.155	9.883.142.116	12.376.530.525	843.862.060	217.623.214	43.619.993.070
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	5.164.849.186	7.482.321.758	6.690.509.138	644.552.497	217.623.214	20.199.855.793
- Khấu hao trong năm	585.292.798	387.113.181	813.379.745	134.839.137	-	1.920.624.861
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(300.260.620)	-	-	(300.260.620)
Số dư cuối năm	5.750.141.984	7.869.434.939	7.203.628.263	779.391.634	217.623.214	21.820.220.034
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	15.133.985.969	1.785.440.358	3.531.443.825	199.309.563	-	20.650.179.715
Tại ngày cuối năm	14.548.693.171	2.013.707.177	5.172.902.262	64.470.426	-	21.799.773.036

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.476.673.888 VND

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá là 1.094.660.000 VND, hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2016 là 870.751.505 VND. Trong đó giá trị khấu hao trong năm là 178.157.500 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa Văn phòng	155.520.908	203.514.202
Công cụ dụng cụ xuất dùng	741.727.900	547.240.577
Chi phí trả trước dài hạn khác	144.684.728	107.312.370
	<u>1.041.933.536</u>	<u>858.067.149</u>

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần tập đoàn XD Bình Minh	1.774.000.000	1.635.757.000
Công ty khai thác Công trình Thủy lợi Đồng Nai	1.797.000.000	-
Công ty cổ phần Điện Miền Bắc 1	1.374.782.127	1.374.782.127
Ban QL dự án ĐT và XD Thủy lợi 2	-	4.482.569.000
Ban QL dự án ĐT và XD thủy lợi 6	397.279.200	2.800.000.000
Các khoản người mua trả trước khác	12.350.312.499	16.304.707.336
	<u>17.693.373.826</u>	<u>26.597.815.463</u>

11001
 CÔNG TY
 TRÁCH
 HỮU HẠN
 50A

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	955.504.309	955.504.309	1.497.559.665	1.497.559.665
- Công ty Cổ phần Tư vấn XD Thủy Lợi Thanh Hóa	2.437.760.000	2.437.760.000	2.046.912.000	2.046.912.000
- Phải trả các đối tượng khác	6.782.532.092	6.782.532.092	7.973.106.182	7.973.106.182
	10.175.796.401	10.175.796.401	11.517.577.847	11.517.577.847

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPC

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	5.588.823.010	8.669.172.133	10.082.778.312	-	4.175.216.831
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.494.197.194	1.657.759.975	2.576.797.800	-	575.159.369
Thuế Thu nhập cá nhân	60.457.624	41.086.486	731.066.179	247.245.332	30.070.715	494.520.424
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	239.548.683	2.218.743.072	2.218.743.072	-	239.548.683
Các loại thuế khác	-	42.980.181	10.500.000	10.500.000	-	42.980.181
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	54.576	-	-	26.786	81.362	-
	60.512.200	7.406.635.554	13.287.241.359	15.136.091.302	30.152.077	5.527.425.488

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	116.182.063	124.982.751
- Chi phí trích trước thầu phụ các công trình	3.309.771.635	11.077.621.506
	<u>3.425.953.698</u>	<u>11.202.604.257</u>

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	2.109.763.656	2.655.546.380
- Doanh thu nhận trước công trình Thác Huống	545.454.000	-
	<u>2.655.217.656</u>	<u>2.655.546.380</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	2.424.176.434	2.562.130.039
- Bảo hiểm xã hội	567.520	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.230.966.318	2.285.570.658
- Quỹ đóng góp của cán bộ nhân viên	3.777.382.314	3.363.512.352
- Phải trả chi phí giám sát tác giả theo quy định	4.535.991.481	4.535.991.481
- Phải trả tiền bảo hiểm các công trình	726.234.000	1.125.915.200
- Các khoản phải trả cán bộ CNV tiền vay	10.739.900.855	10.029.519.533
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.623.131.315	1.248.477.865
	<u>25.058.350.237</u>	<u>25.151.117.128</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	19.212.023.160	19.212.023.160	17.959.555.906	15.681.334.000	21.490.245.066	21.490.245.066
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội (1)	12.806.244.000	12.806.244.000	16.662.783.350	13.304.977.000	16.164.050.350	16.164.050.350
- Vay cá nhân (2)	6.405.779.160	6.405.779.160	1.296.772.556	2.376.357.000	5.326.194.716	5.326.194.716
	19.212.023.160	19.212.023.160	17.959.555.906	15.681.334.000	21.490.245.066	21.490.245.066

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/16/HM ngày 31/05/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 09 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo từng Giấy nhận nợ). Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng tín dụng này bằng thời hạn rút vốn cộng với thời hạn cho vay tối đa của Giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất tại thời điểm 31/12/2016 là 9,2% và 8,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đàm bảo 02 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Bên vay tại Ngân hàng với tổng giá trị 97.310,17 USD.

(2) Các khoản vay cá nhân với lãi suất 12%/năm, khoản vay theo hình thức tín chấp và thời hạn vay là 03 tháng.



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000	10.411.635.710	5.155.273.452	59.566.909.162
Lãi trong năm trước	-	-	5.378.985.986	5.378.985.986
Phân phối lợi nhuận	-	1.200.813.000	(5.155.273.452)	(3.954.460.452)
Giảm khác	-	(73.291.539)	-	(73.291.539)
Số dư cuối năm trước	44.000.000.000	11.539.157.171	5.378.985.986	60.918.143.157
Số dư đầu năm nay	44.000.000.000	11.539.157.171	5.378.985.986	60.918.143.157
Lãi trong năm nay	-	-	6.688.294.695	6.688.294.695
Phân phối lợi nhuận	-	537.899.000	(5.378.985.986)	(4.841.086.986)
Số dư cuối năm nay	44.000.000.000	12.077.056.171	6.688.294.695	62.765.350.866

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 22/2015/NQ- ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân phối	100,00%	5.378.985.986
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	537.899.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	36,83%	1.981.086.986
Chi trả cổ tức (bằng 6,5 % vốn điều lệ)	53,17%	2.860.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	49,00%	21.560.000.000	49,00%	21.560.000.000
Các cổ đông khác	51,00%	22.440.000.000	51,00%	22.440.000.000
	100%	44.000.000.000	100%	44.000.000.000



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	44.000.000.000	44.000.000.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

đ) Cổ tức

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	2.860.000.000	2.640.000.000
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	2.860.000.000	2.640.000.000
	2.860.000.000	2.640.000.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.077.056.171	11.539.157.171
	12.077.056.171	11.539.157.171

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	173.248,00	97.310,17

21 . TỔNG DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	142.925.709.865	131.591.905.549
	142.925.709.865	131.591.905.549



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	74.782.000	-
	74.782.000	-

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	120.191.393.115	110.067.751.101
	120.191.393.115	110.067.751.101

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	327.878.596	245.190.217
Cổ tức, lợi nhuận được chia	960.160.000	468.840.000
	1.288.038.596	714.030.217

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.946.605.463	1.964.407.377
Chi phí tài chính khác	2.800.821	6.678.442
	1.949.406.284	1.971.085.819

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	693.011.885	1.006.530.784
Chi phí nhân công	4.753.269.000	4.066.511.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	805.000.186	794.451.184
Thuế, phí, lệ phí	1.249.402.211	681.505.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.125.292.423	502.483.072
Chi phí khác bằng tiền	6.933.577.219	6.895.387.680
	15.559.552.924	13.946.869.183

KẾ
TOÁN
TRƯỞNG
KẾ
TOÁN
TRƯỞNG



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	92.090.909	20.000.000
Tiền cho thuê Văn phòng	2.130.522.994	1.390.872.723
Tiền thu từ đền bù, bồi hoàn	47.235.000	519.918.182
Thu tiền đề tài khoa học	57.142.857	453.333.333
Thu nhập khác	26.562.150	133.439.818
	2.353.553.910	2.517.564.056

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	266.731.743	1.169.847.370
Chi phí đề tài khoa học	60.000.000	476.000.000
Chi phí khác	126.000.000	53.181.221
	452.731.743	1.699.028.591

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.339.436.305	7.138.765.128
Các khoản điều chỉnh tăng	876.431.743	1.329.070.973
- Chi phí không hợp lệ	876.431.743	1.329.070.973
Các khoản điều chỉnh giảm	(960.160.000)	(468.840.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(960.160.000)	(468.840.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	8.255.708.048	7.998.996.101
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.651.141.610	1.759.779.142
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	6.618.365	381.387.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.494.197.194	789.272.165
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.576.797.800)	(1.436.241.712)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	575.159.369	1.494.197.194

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty, được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	6.688.294.695	5.378.985.986
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.688.294.695	5.378.985.986
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.400.000	4.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.520	1.222

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.485.709.604	8.045.838.635
Chi phí nhân công	51.641.987.331	46.692.201.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.098.782.361	2.380.936.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.431.916.902	33.166.384.971
Chi phí khác bằng tiền	31.037.784.051	27.351.707.914
	125.696.180.249	117.637.069.655

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.199.498.246	-	44.664.684.885	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	89.301.348.138	-	74.969.007.574	-
Đầu tư dài hạn	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-
	124.522.630.690	-	120.655.476.765	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	21.490.245.066	19.212.023.160
Phải trả người bán, phải trả khác	35.234.146.638	36.668.694.975
Chi phí phải trả	3.425.953.698	11.202.604.257
	60.150.345.402	67.083.322.392

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.199.498.246	-	-	34.199.498.246
Phải thu khách hàng, phải thu khác	89.301.348.138	-	-	89.301.348.138
Đầu tư dài hạn	-	1.021.784.306	-	1.021.784.306
	123.500.846.384	1.021.784.306	-	124.522.630.690
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.664.684.885	-	-	44.664.684.885
Phải thu khách hàng, phải thu khác	74.969.007.574	-	-	74.969.007.574
Đầu tư dài hạn	-	1.021.784.306	-	1.021.784.306
	119.633.692.459	1.021.784.306	-	120.655.476.765

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	21.490.245.066	-	-	21.490.245.066
Phải trả người bán, phải trả khác	35.234.146.638	-	-	35.234.146.638
Chi phí phải trả	3.425.953.698	-	-	3.425.953.698
	60.150.345.402	-	-	60.150.345.402
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	19.212.023.160	-	-	19.212.023.160
Phải trả người bán, phải trả khác	36.668.694.975	-	-	36.668.694.975
Chi phí phải trả	11.202.604.257	-	-	11.202.604.257
	67.083.322.392	-	-	67.083.322.392

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
		VND	VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		14.333.495.688	4.449.929.091
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	6.795.287.234	2.502.842.727
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	1.340.293.000	1.947.086.364
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	6.197.915.454	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
		VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp		6.744.660.000	9.067.946.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	1.630.000.000	3.293.442.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	3.200.140.000	5.694.504.000
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	614.520.000	80.000.000
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi 3	Công ty con	1.300.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.304.350.445	1.711.350.916

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Phạm Vũ Toàn
Người lập



Phan Kim Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

